TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 60/2024/DS-ST Ngày: 12 - 6 - 2024 V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên toà: Ông Bùi Đức Mậu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1951 và ông Huỳnh Ngọc Ầ, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số nhà C, tổ A, ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Thế T, sinh năm 1986 (chồng bà C); Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3.2. Bà Huỳnh Thị Thu H1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số nhà C, tổ A, ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3.3. Bà Huỳnh Thị Thu T1, sinh năm 1975; địa chỉ: Số nhà C, tổ A, ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Vào ngày 15/4/2020 ÂL, bà C có áp 01 dây hụi, gồm có 50 chân, hụi 15 ngày sổ 01 lần, mỗi lần đóng 2.000.000 đồng. Bà H tham gia 01 chân hụi, hụi đến ngày 15/5/2022 là mãn. Trong danh sách hụi của bà C đã cung cấp cho Tòa án thì bà H lấy tên là bà 2 Ẩn. Bà H đã hốt chân hụi trên vào lần sổ thứ hai (ngày 30/5/2020 AL) với tổng số tiền là 59.600.000 đồng, trừ tiền thảo là 1.500.000 đồng, bà C giao cho bà H số tiền hụi là 58.100.000 đồng, số tiền hụi trên bà C giao trực tiếp cho bà H tại nhà bà H, có chứng kiến của bà T1 và bà H1 là con gái bà H ở cùng nhà bà H, khi giao tiền xong thì bà H kêu chị T1 ký nhận sổ dùm cho bà H. Đầu hụi này bà H hốt xong có đóng được cho bà C tổng cộng là 24 lần hụi chết với tổng số tiền là 48.000.000 đồng, còn lại 24 lần thì bà H chưa đóng cho bà C với tổng số tiền là 48.000.000 đồng, sau đó bà H đóng dần cho bà C được 3.000.000 đồng, hiện còn nợ bà C là 45.000.000 đồng tiền hụi chết.

Ngoài ra, cũng trong dây hụi này, bà Huỳnh Thị Thu H1 là con ruột của bà H cũng tham gia 01 chân, đến ngày 30/7/2020 (lần sổ thứ 8) bà H1 hốt chân hụi này, tổng số tiền hụi hốt được là 64.400.000 đồng, trừ tiền thảo là 1.500.000 đồng, số tiền hụi bà C phải giao là 62.900.000 đồng nhưng khi bà C chỉ giao cho bà H1 số tiền là 62.000.000 đồng và bà H1 cũng thống nhất nhận số tiền 62.000.000 đồng. Bà C trực tiếp giao tiền cho bà H1 tại nhà có bà T1 và bà H chứng kiến, sau đó bà T1 là người ký tên dùm nhận số tiền trong sổ hụi của cho bà C.

Dây hụi này sau khi hốt hụi thì bà H1 có đóng được cho bà C tổng cộng là 18 lần hụi chết với tổng số tiền là 36.000.000 đồng, còn lại 24 lần là 48.000.000 đồng thì chưa đóng.

Bà C không biết bà H1 và bà H thỏa thuận với nhau như thế nào đối với chân hụi của bà H1, tuy nhiên quá trình làm việc với Tòa án, bà H1 cho rằng đã giao chân hụi trên cho bà H, bà H cũng thừa nhận là người sử dụng số tiền hụi trên và tiền đóng hụi chết cũng là của bà H nên ngày 25/3/2024 bà C có đơn khởi kiện bổ sung với nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị H và ông Huỳnh Ngọc Ẩ liên đới trả cho bà C số tiền hụi (Chân hụi bà H tham gia) là 45.000.000 đồng và (Chân hụi của bà H1 mà bà H nhận) là 48.000.000 đồng, tổng cộng hai chân hụi là 93.000.000 đồng. Ngoài ra tôi không còn yêu cầu gì thêm.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2023, ngày 22/11/2023, bị đơn bà Võ Thị H trình bày: Vào ngày 15/4/2020 ÂL, bà C có áp một dây hụi gồm có 50 chân, hụi 15 ngày sổ 01 lần, mỗi lần đóng 2.000.000 đồng, bà H tham gia 01 chân hụi, nhưng sau đó con gái bà là bà Huỳnh Thị Thu H1 cũng tham gia 01 chân hụi trong dây hụi này thì chồng bà H1 không cho bà H1 tham gia hụi nữa nên bàn giao lại cho bà H chân hụi của bà H1 đang tham gia, nên tổng cộng bà H tham gia 02 chân hụi, việc bàn giao chân

hụi của bà H1 cho bà H thì không làm văn bản gì nhưng bà C có biết và không phản đối gì. Cả hai chân hụi bà H đã hốt hụi xong, chân hụi của bà H1 bàn giao lại thì bà H hốt lần thứ 4, chân hụi này bà C giao đủ tiền cho bà H, số tiền bao nhiêu thì bà H không nhớ rõ, tiền thì do bà T1 (là con gái của bà H) nhận từ bà C giao lại cho bà H, chân hụi thứ hai là của bà H chơi trực tiếp, chân hụi này bà H cũng đã hốt hụi xong vào lần thứ 8, số tiền hụi hốt bao nhiêu bà không nhớ cụ thể do bà H yêu cầu bà C trừ qua tiền hụi chết của chân hụi thứ nhất cho bà H nên bà H không nhận tiền hụi hốt của chân hụi này nên tiền hụi chết của chân hụi bà H1 giao lại thì bà H không còn nợ bà C tiền hụi chết nữa, bà H chỉ còn nợ bà C tiền hụi chết của chân hụi thứ hai do bà H chơi trực tiếp nhưng sau đó bà bà C có vay tín dụng là 30.000.000 đồng và yêu cầu bà H trả góp cho tín dụng, bà H cũng đã trả góp xong cho Q tín dụng đủ 30.000.000 đồng, ngoài ra bà H còn trả thêm cho bà C 30.000.000 đồng, đồng thời góp thêm cho bà C mỗi lần 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 11.500.000 đồng, ngoài ra bà H cũng bị bà C trừ tiền hốt hụi vào tiền bà H còn nợ tiền mua gạo, mua gas, bột ngọt, đường, nước tương nên tổng cộng bà H đã đóng cho bà C số tiền là 71.500.000 đồng. Bà H xác nhận trong danh sách hụi bà H lấy tên là 2 Ẩn. Các lần bà H đóng tiền hụi chết cho bà C thì bà H không cho bà C ký nhận nên không có giấy tờ cung cấp cho Tòa án để chứng minh việc bà H đóng tiền hụi chết cho bà C.

Nay bà C yêu cầu bà H trả số tiền hụi chết chưa đóng là 45.000.000 đồng thì bà H không đồng ý vì bà H đã đóng tiền đủ cho bà C số tiền hụi chết xong, không còn nợ bà C, đối với số tiền hụi chết của bà H1 giao lại thì bà H yêu cầu Tòa án căn cứ vào hồ sơ, chứng cứ giải quyết cho công bằng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Bà H xin vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp.

Bị đơn ông Huỳnh Ngọc Ẩ: Không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không có mặt theo Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa ông Huỳnh Ngọc Ẩ vắng mặt.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thu H1 trình bày:

Khi bắt đầu khui hụi lần đầu thì bà H1 có tham gia dây hụi áp vào ngày 15/4/2020 ÂL, gồm có 50 chân, hụi 15 ngày sổ 01 lần, mỗi lần đóng 2.000.000 đồng, bà H1 đóng hụi được ba lần, chồng bà H1 không cho bà H1 chơi hụi nữa, nên bà H1 bàn giao lại chân hụi của bà H1 cho mẹ ruột của bà là bà Võ Thị H và được sự đồng ý của bà C, việc giao chân hụi lại cho bà H thì không có lập biên bản mà chỉ có chủ hụi giáp mặt với nhau và đồng ý cho việc bàn giao chân hụi này. Từ khi bàn giao chân hụi lại cho bà H thì bà H1 không quan tâm đến dây hụi này nữa. Nay bà C yêu cầu bà H1 trả tiền hụi chết là 48.000.000 đồng còn nợ thì bà H1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà C, yêu cầu Tòa án bác đơn yêu cầu khởi kiện của bà C.

Tại bản tự khai ngày 25/01/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Thế T là chồng chị Nguyễn Thị C trình bày:

Việc vợ anh là chị Nguyễn Thị C làm chủ hụi và cho bà Võ Thị H, bà Huỳnh Thị Thu H1 tham gia chơi hụi đó là do vợ anh quyết định, anh không tham gia vào việc chơi hụi này, do anh thường xuyên đi ghe biển không có ở nhà, nay xảy ra tranh chấp với bà H, bà H1 về tiền hụi thì anh giao toàn quyền quyết định cho chị C trong vụ kiện này, anh đề nghị không đưa anh vào tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thu T1: Không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không có mặt theo Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Thu T1 vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại các điều 463, 468 và 471 Bộ luật Dân sự và khoản 2, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết như sau:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C về việc buộc bà H, ông Ẩ phải có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền hụi là 93.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

- Về án phí: Do bà H, ông Ẩ là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền án phí, Tòa án đã thông báo cho ông bà việc làm đơn yêu cầu miễn tiền án phí nhưng ông bà không làm đơn nên bà H, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị C có đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bà Võ Thị H, ông Huỳnh Ngọc Ẩ phải trả cho bà C số tiền hụi chết còn nợ, không yêu cầu tính lãi suất, bị đơn bà H, ông Ẩ có địa chỉ tại tổ A, ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang, do đó theo quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Toà án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ căn cứ theo Điều 471 Bộ luật dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Võ Thị H, ông Huỳnh Ngọc Ẩ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Thế T, bà Huỳnh Thị Thu H1, bà Huỳnh Thị Thu T1

đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhưng bà H, ông Ấ, bà H1, anh T, bà T1 vắng mặt tại phiên tòa. Tại phiên tòa bà C đồng ý xử vắng mặt bà H, ông Ấ, bà H1, anh T, bà T1. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà C đối với yêu cầu bà H, ông Ấ trả số tiền hụi chết còn nợ là 93.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà C, bà H, bà H1 đều xác nhận vào ngày 15/4/2020 ÂL bà C có áp một dây hụi, gồm có 50 chân hụi, hụi 15 ngày sổ 01 lần, hụi 15 ngày là 2.000.000 đồng, bà H tham gia 01 chân hụi và bà H1 tham gia 01 chân hụi, bà H xác nhận đã hốt hụi vào lần sổ hụi thứ hai với số tiền hốt là 58.000.000 đồng và bà C đã giao tiền hụi cho bà H xong theo biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2023, sự việc này cũng phù hợp với lời trình bày của bà C về số tiền hốt hụi của bà H thì bà C tính cụ thể số tiền hốt của bà H là bà H hốt lần thứ 2 và kêu hụi chân thứ nhất là 800.000 đồng và hốt được số tiền là 1.200.000 đồng x 48 lần + 2.000.000 đồng = 59.600.000 đồng, trừ tiền thảo là 1.500.000 đồng và tiền 01 chân sống bà H phải đóng là 800.000 đồng, thì bà H được nhận là 57.300.000 đồng nhưng bà C giao cho bà H số tiền hụi chẵn là 58.000.000 đồng. Đối với chân hụi của bà H1 tham gia thì theo biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2023 thì bà H1 thừa nhận tham gia hụi và đóng hụi đến lần thứ ba thì giao lại cho bà H vì chồng bà H1 không cho bà H1 tham gia hụi nhưng việc bàn giao chân hụi không có lập biên bản chỉ thông báo bằng miệng cho bà C biết, bà H1 không có chứng cứ chứng minh bà H1 giao lại cho bà H chân hụi vào lần đóng hụi thứ ba, bà C không thừa nhận sự việc này, hơn nữa theo danh sách giao tiền hụi thì bà H1 nhận tiền hụi và bà T1 ký tên dùm cho bà H1 trong sổ hụi số tiền 62.000.000 đồng vào ngày 30/7/2020 là lần sổ hụi thứ 8, quá trình giải quyết vụ án bà H1 cũng không cung cấp cho Tòa án bất cứ giấy tờ nào chứng minh việc bà H1 không hốt hụi vào lần sổ hụi thứ 8 và cũng không có ý kiến phản đối việc bà T1 là em gái bà H1 có ký tên dùm trong sổ hụi hay không, bà T1 cũng không có ý kiến phản đối về việc bà T1 có ký tên dùm cho bà H1 trong sổ hụi hay không nên không có căn cứ xác định bà H1 giao lại chân hụi cho bà H vào lần đóng hụi thứ ba, do đó Tòa án xác định bà H1 hốt hụi lần thứ 8 với số tiền hụi là 62.000.000 đồng và bà C đã giao tiền xong cho bà H1 và số tiền hốt hụi của bà H1 được bà C tính cụ thể là bà H1 hốt lần thứ 8 và kêu hụi là 800.000 đồng và hốt được số tiền là 1.200.000 đồng x 42 lần + 2.000.000 đồng x 7 lần = 64.400.000 đồng, trừ tiền thảo là 1.500.000 đồng và tiền 01 chân sống, là 800.000 đồng, thì bà H được nhận là 62.100.000 đồng nhưng bà C giao cho bà H số tiền hụi là 62.000.000 đồng, khi giao tiền hụi hốt cho bà H, bà H1 thì bà H, bà H1 không có ý kiến gì là số tiền hụi hốt có thiếu hay đủ tiền hay không và bà C đã giao tiền hụi đủ cho bà H, bà H1. Sau khi bà H, bà H1 hốt hụi xong thì bà H đóng hụi chết được 24 lần với số tiền là 48.000.000 đồng, sau đó trả dần được 3.000.000

đồng nên hiện còn nợ là 45.000.000 đồng, bà H1 đóng được cho bà C hụi chết là 18 lần với số tiền là 36.000.000 đồng, còn nợ 24 lần là 48.000.000 đồng, tổng cộng bà H, bà H1 nợ bà C tiền hụi chết chưa đóng của cả hai chân hụi là 93.000.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của một số người làm chứng cũng tham gia dây hụi trên cùng bà H, bà H1 thì những người này đều xác nhận bà H, bà H1 có tham gia dây hụi mở vào ngày 15/4/2020 ÂL do bà C làm chủ và bà H, bà H1 đã hốt hụi hụi xong, danh sách tham gia chơi hụi bà C cung cấp tại Tòa trùng với danh sách chơi hụi được bà C giao cho các hụi viên. Bà H tham gia chơi hụi với tên "2 Ẩn", đã hốt 01 chân hụi ở lần thứ 2 và 01 chân hụi do bà H1 tham gia, bà H1 hốt hụi ở lần thứ 8 với tên trong danh sách hụi là "chị H1", những người này cũng chứng kiến việc bà C giao tiền hụi trực tiếp cho bà H, bà H1. Việc bà H1 giao lại chân hụi cho bà H thì những hụi viên hoàn toàn không biết. Sau khi hốt hụi xong thì bà H, bà H1 cũng có đóng hụi chết cho bà C nhưng việc bà H có đóng hụi chết đến khi hụi mãn cho bà C hay không thì những người làm chứng không nắm rõ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H xác nhận chân hụi của bà H1 tham gia hụi thì bà H1 đã bàn giao lại cho bà H nên bà H có trách nhiệm đóng tiền hụi chết của cả hai chân hụi cho bà C, tại Tòa án bà C chấp nhận cho bà H trả tiền hụi chết còn nợ thay cho bà H1 nên Tòa án chấp nhận cho bà H trả tiền hụi chết còn nợ thay cho bà H1 phù hợp với khoản 01 Điều 370 Bộ luật dân sự. Việc bà H cho rằng bà H không còn nợ bà C tiền hụi chết nữa, bà H chỉ còn nợ bà C tiền hụi chết của chân hụi thứ hai do bà H chơi trực tiếp nhưng sau đó bà C có vay tín dụng là 30.000.000 đồng và yêu cầu bà H trả góp cho tín dụng, bà H cũng đã trả góp xong cho Q tín dụng đủ 30.000.000 đồng, ngoài ra bà H còn trả thêm cho bà C 30.000.000 đồng, đồng thời góp thêm cho bà C mỗi lần 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 11.500.000 đồng, ngoài ra bà H cũng bị bà C trừ tiền hốt hụi vào tiền bà H mua gạo, mua gas, bột ngọt, đường, nước tương nên tổng cộng bà H đã đóng cho bà C số tiền là 71.500.000 đồng nhưng bà H không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh cho những yêu cầu trên của bà H, đồng thời bà H cũng thừa nhận các lần bà H đóng tiền hụi chết cho bà C thì bà H không cho bà C ký nhận nên không có giấy tờ cung cấp cho Tòa án để chứng minh việc bà H đóng tiền hụi chết cho bà C nên không có cơ sở xác định bà H đã trả cho bà C tiền hụi chết của cả hai chân hụi là 93.000.000 đồng.

Mặt khác, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H, ông Ẩ, trong đó có thông báo về nội dung nguyên đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp nhưng bà H, ông Ẩ không có yêu cầu giám định chữ ký đối với các tài liệu, chứng cứ mà bà C cung cấp. Xét thấy, bà C làm chủ hụi chỉ với vai trò là trung gian, nhận tiền thảo của mỗi lần giao hụi và có trách nhiệm gom hụi hàng tháng để giao hụi cho người được lĩnh hụi, nên việc bà H sau khi hốt hụi không đóng lại hụi chết đã vi phạm nghĩa vụ đóng hụi theo thỏa thuận giữa chủ hụi và các hụi viên, việc bà H không đóng tiếp tục hụi chết cho bà C thì để duy trì dây hụi tới

khi mãn thì bà C bắt buộc phải bỏ tiền đóng hụi chết thay cho bà H của cả hai chân hụi, việc này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà C, do đó bà H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà C khoản tiền hụi đóng thay với tổng số tiền hụi là 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 16, Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐCP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Đối với yêu cầu của bà C về việc yêu cầu ông Ẩ có trách nhiệm liên đới cùng bà H thanh toán số tiền hụi chết nêu trên cho bà C là có căn cứ, bởi trong quá trình giải quyết vụ án ông Ẩ không có ý kiến phản đối lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Như vậy, ông Ẩ đã mặc nhiên thừa nhận các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là hợp pháp.

Do vậy, từ những nhận định nêu trên, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà C yêu cầu bà H, ông Ẩ trả số tiền hụi chết còn nợ là 93.000.000 đồng. Về lãi suất: Bà C không có yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà H, ông Ẩ là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền án phí, Tòa án tống đạt thông báo số 302 ngày 10/5/2024 về việc làm đơn xin miễn tiền án phí cho bà H, ông Ẩ nhưng ông bà không làm đơn miễn tiền án phú nên bị đơn bà H, ông Ẩ phải chịu án phí đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà C được chấp nhận là 93.000.000 đồng x 5% = 4.650.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) là phù hợp với quy định tại Điều khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 227, 228, 244, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 370 và Điều 471 Bộ luật Dân sự; khoản 1, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.

2. Buộc bà Võ Thị H, ông Huỳnh Ngọc Ẩ phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền hụi còn nợ là 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị H, ông Huỳnh Ngọc Ẩ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.650.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị C được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000215 ngày 02/10/2023 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007188 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn bà Võ Thị H, ông Huỳnh Ngọc Ẩ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thu H1, bà Huỳnh Thị Thu T1, anh Trần Thế T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Quyên